

Số: 27/TB-TTHC

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO

Tình hình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC của các sở, ban ngành và địa phương trong tháng 5 năm 2023

Thực hiện Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) thống kê tình hình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh của các sở, ban ngành và địa phương trong tháng 5 năm 2023 (số liệu tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/5/2023) như sau:

I. Tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC của các cơ quan, đơn vị thực hiện tại Trung tâm

1. Kết quả tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC

Tổng số hồ sơ tiếp nhận của 20 cơ quan, đơn vị tại Trung tâm trong tháng 5 là **13.441** hồ sơ, kỳ trước chuyển qua là **3.153** hồ sơ; tiếp nhận mới là **10.288** hồ sơ; đã giải quyết **9.980** hồ sơ; đang giải quyết **3.461** hồ sơ. Cụ thể:

- Các sở, ngành tiếp nhận **9.227** hồ sơ, kỳ trước chuyển qua là **1.188** hồ sơ; tiếp nhận mới là **8.039** hồ sơ. Kết quả đã giải quyết **7.968** hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn 7.953 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,8%; trễ hạn: 15 hồ sơ, chiếm tỷ lệ: 0,2%; đang giải quyết **1.259** hồ sơ.

- Hồ sơ lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố: Tiếp nhận **4.214** hồ sơ, kỳ trước chuyển qua là **1.965** hồ sơ; tiếp nhận mới là **2.249** hồ sơ. Kết quả đã giải quyết **2.012** hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn 1.776 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 88,3%; trễ hạn 236 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 11,7%; đang giải quyết **2.202** hồ sơ.

(Chi tiết số liệu hồ sơ của các cơ quan, đơn vị tại Phụ lục I kèm theo).

2. Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ

Một số cơ quan thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ với tổng số 30.52 hồ sơ. Trong đó có 347 hồ sơ cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 1.973 hồ sơ lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; 10 hồ sơ lĩnh vực cấp sổ thẻ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm Xã hội

tỉnh và 722 hồ sơ giao dịch bảo đảm (*đăng ký thế chấp, xóa thế chấp*) thuộc lĩnh vực đất đai.

3. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia

- Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến của các sở, ban ngành tại Trung tâm trong tháng đạt bình quân 69,2% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong tháng (5.568 hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến). Đối với hồ sơ lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân (*thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm*) đã tiếp nhận 319 hồ sơ, đạt tỷ lệ 14,2% so với tổng số hồ sơ được tiếp nhận mới trong tháng.

- Việc thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện; trong tháng, toàn tỉnh đã thanh toán được hơn 4,8 tỷ đồng với 3.032 giao dịch (*riêng tại Trung tâm thanh toán gần 3,4 tỷ đồng*).

(*Chi tiết số liệu thanh toán trực tuyến của các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo*).

4. Về số lượng hồ sơ nộp và trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính

Đã có 1.893 hồ sơ được nộp và trả kết quả qua đường bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân.

5. Kết quả giải quyết TTHC liên thông về Văn phòng UBND tỉnh

Trung tâm đã phối hợp với các sở tiếp nhận, luân chuyển về Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh 81 hồ sơ; đã giải quyết, trả kết quả trước hạn và đúng hạn 59 hồ sơ; đang giải quyết 22 hồ sơ.

6. Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm

Đã có 2.875 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó đánh giá mức độ rất hài lòng và hài lòng 2.874 lượt, đạt tỷ lệ 99,97%; 01 lượt đánh giá mức độ bình thường.

(*Chi tiết đánh giá mức độ hài lòng tại Phụ lục IV kèm theo*).

II. Tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC tại Bộ phận Một cửa Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã

1. Bộ phận Một cửa Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi là 19 hồ sơ, kỳ trước chuyển qua là 04 hồ sơ; tiếp nhận mới là 15 hồ sơ. Tổng hồ sơ nộp trực tuyến là 10 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 66,6% so với tổng số hồ sơ được tiếp nhận mới trong tháng.

- Kết quả đã giải quyết 09 hồ sơ trước hạn và đúng hạn 22 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; đang giải quyết 10 hồ sơ.

(*Chi tiết số liệu hồ sơ của Ban Quản lý tại Phụ lục V kèm theo*).

2. Bộ phận Một cửa cấp huyện (13 huyện, thị xã, thành phố)

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa cấp huyện là **2.512** hồ sơ; kỳ trước chuyển qua là **583** hồ sơ; tiếp nhận mới là **1.929** hồ sơ. Tổng hồ sơ nộp trực tuyến là 677 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 35% so với tổng số hồ sơ được tiếp nhận mới trong tháng.

- Kết quả đã giải quyết **2.004** hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn **1.945** hồ sơ, chiếm tỷ lệ 97%; trễ hạn: **59** hồ sơ, chiếm tỷ lệ: 3%; đang giải quyết **508** hồ sơ.

3. Bộ phận Một cửa cấp xã (173 xã, phường, thị trấn)

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa cấp xã là **28.523** hồ sơ; kỳ trước chuyển qua là **1.417** hồ sơ; tiếp nhận mới là **27.106** hồ sơ. Tổng hồ sơ nộp trực tuyến là 6.493 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 23,9% so với tổng số hồ sơ được tiếp nhận mới trong tháng.

- Kết quả đã giải quyết **27.110** hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn **26.631** hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,2%; trễ hạn: **479** hồ sơ, chiếm tỷ lệ: 1,8%; đang giải quyết **1.413** hồ sơ.

(Chi tiết số liệu hồ sơ của cấp huyện, cấp xã tại Phụ lục VI kèm theo).

Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh báo cáo UBND tỉnh và thông báo tới các sở, ban ngành, địa phương liên quan theo dõi và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh (b/cáo);
- Công an tỉnh;
- Bảo hiểm Xã hội tỉnh;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Các sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh;
- Văn phòng ĐKĐĐ - Chi nhánh thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: TTHC.



Nguyễn Thanh Hoài



PHỤ LỤC I
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TẠI TRUNG TÂM TRONG THÁNG 5/2023
(Kèm theo Thông báo số 23/TB-TTHC ngày 25/5/2023 của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính								
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13	12	13
I Hồ sơ của các sở, ban ngành												
1	Công an tỉnh Quảng Ngãi	46	46	0	0	43	0	43	0	3	3	0
2	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	1.500	1.376	8	116	1.399	467	932	0	101	101	0
3	Sở Công Thương	2.017	1.909	101	7	1.998	1.998	0	0	19	19	0
4	Sở Giao thông vận tải	1.600	312	1.282	6	1.445	837	608	0	155	155	0
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	56	36	6	14	43	43	0	0	13	13	0
6	Sở Khoa học và Công nghệ	11	7	0	4	10	10	0	0	1	1	0
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	451	189	193	69	372	372	0	0	79	79	0
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	663	115	355	193	579	579	0	0	84	84	0
9	Sở Ngoại vụ	2	1	0	1	2	2	0	0	0	0	0
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.131	660	373	98	989	989	0	0	142	142	0
11	Sở Nội vụ	28	18	1	9	18	18	0	0	10	10	0
12	Sở Thông tin và Truyền thông	16	15	0	1	16	16	0	0	0	0	0
13	Sở Tài chính	18	0	7	11	8	8	0	0	10	10	0
14	Sở Tư pháp	1.067	611	83	373	742	725	5	12	325	319	6
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	58	47	0	11	45	45	0	0	13	13	0
16	Sở Xây dựng	108	55	5	48	60	56	1	3	48	47	1
17	Sở Y tế	193	90	13	90	102	102	0	0	91	91	0
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	262	81	44	137	97	96	1	0	165	164	1
Tổng cộng		9.227	5.568	2.471	1.188	7.968	6.363	1.590	15	1.259	1.251	8
II Hồ sơ đất đai												
19	Văn phòng ĐKDD - CN thành phố	4.207	319	1928	1960	2010	1763	11	236	2197	1904	293
20	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	7	2	0	5	2	2	0	0	5	5	0
Tổng cộng		4.214	321	1.928	1.965	2.012	1.765	11	236	2.202	1.909	293

PHỤ LỤC II
KẾT QUẢ THANH TOÁN TRỰC TIẾP TUYỂN QUA CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC
GIA TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ - KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH

(Kèm theo Thông báo số 28/TB-TTHC ngày 25/5/2023 của
Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh)

Số liệu trích xuất từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/5/2023:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao dịch	Tổng thanh toán
1	Sở Tư pháp	726	143.518.000
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	30	117.635.000
3	Sở Y tế	83	80.760.000
4	Sở Công Thương	24	40.300.000
5	Sở Xây dựng	56	37.273.100
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	318	30.260.000
7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	84	21.453.000
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	3.650.000
9	Sở Giao thông vận tải	26	3.700.000
10	Sở Khoa học và Công nghệ	2	2.200.000
11	Sở Thông tin và Truyền thông	13	8.545.000
12	Văn phòng đăng ký đất đai - CN thành phố		
	Thu thuế đất	362	2.892.727.013
	Thu phí, lệ phí	289	8.700.000
TỔNG		2016	3.390.721.113

PHỤ LỤC III
KẾT QUẢ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN QUA CÔNG DỊCH VỤ
CÔNG QUỐC GIA TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
(Kèm theo Thông báo số 23/TB-TTHC ngày 25/5/2023 của
Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh)

Số liệu trích xuất từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/5/2023:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị	Bộ phận Một cửa	Số giao dịch phí, lệ phí	Tổng thanh toán	Số giao dịch thuế đất	Tổng thanh toán
1	UBND thị xã Đức Phổ	Cấp huyện			227	533.714.679
		Cấp xã	57	1.798.000		
2	UBND huyện Tư Nghĩa	Cấp huyện	1	40.000	138	590.758.927
		Cấp xã	67	1.671.000		
3	UBND huyện Mộ Đức	Cấp huyện	9	340.000		
		Cấp xã	44	1.093.003		
4	UBND huyện Ba Tơ	Cấp huyện	13	2.659.000	39	85.558.500
		Cấp xã	25	746.000		
5	UBND huyện Minh Long	Cấp huyện			17	16.858.810
		Cấp xã	42	442.508		
6	UBND TP Quảng Ngãi	Cấp huyện				
		Cấp xã	5	26.500		
7	UBND huyện Trà Bồng	Cấp huyện			2	5.000.000
		Cấp xã	97	1.071.000		
8	UBND huyện Sơn Tịnh	Cấp huyện			14	20.919.945
		Cấp xã	11	255.000		
9	UBND huyện Nghĩa Hành	Cấp huyện			38	39.025.610
		Cấp xã	37	454.500		
10	UBND huyện Bình Sơn	Cấp huyện			133	172.548.947
		Cấp xã				
TỔNG			408	10.596.511	608	1.464.385.418

Ghi chú: Chi tiết thanh toán trực tuyến của UBND cấp xã tại Danh sách kèm theo.

PHỤ LỤC IV
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN KHI THỰC HIỆN TTHC TẠI TRUNG TÂM TRONG THÁNG 5/2023
(Kèm theo Thông báo số 25/TB-TTHC ngày 25/5/2023 của
Trung tâm Phục vụ Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng lượt đánh giá	Mức độ đánh giá			
			Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
1	Công an tỉnh	0	0	0	0	0
2	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	0	0	0	0	0
3	Sở Công Thương	12	11	0	1	0
4	Sở Giao thông vận tải	324	315	9	0	0
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	42	41	1	0	0
6	Sở Khoa học và Công nghệ	10	10	0	0	0
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8	8	0	0	0
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	604	604	0	0	0
9	Sở Ngoại vụ	2	2	0	0	0
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54	54	0	0	0
11	Sở Nội vụ	18	18	0	0	0
12	Sở Thông tin và Truyền thông	9	9	0	0	0
13	Sở Tài chính	10	9	1	0	0
14	Sở Tư pháp	100	99	1	0	0
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44	44	0	0	0
16	Sở Xây dựng	0	0	0	0	0
17	Sở Y tế	87	86	1	0	0
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	27	27	0	0	0
19	Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố	1.524	1.522	1	0	1(*)
20	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	0	0	0	0	0
Tổng cộng		2.875	2.859	14	1	1

Ghi chú: Trong tháng 5/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố có 01 lượt đánh giá không hài lòng; qua kiểm tra, hồ sơ trả kết quả giải quyết trước hạn, người dân đánh giá rất hài lòng; tuy nhiên khi thực hiện đánh giá trên phần mềm thì phần mềm tự đăng xuất, kích hoạt để đăng nhập lại trùng với nút không hài lòng./.



PHỤ LỤC V
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA
BQL KHU KINH TẾ DUNG QUẤT VÀ CÁC KCN QUẢNG NGÃI TRONG THÁNG 5/2023
(Kèm theo Thông báo số 23/TB-TTHC ngày 25/5/2023 của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính								
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13	12	13
1	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (*)	19	10	5	4	9	9	0	0	10	10	0
Tổng cộng												

Ghi chú:
(*)Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Ban Quản lý./.



PHỤ LỤC VI

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THÁNG 5/2023
(Kèm theo Thông báo số 23/TB-TTHC ngày 25/5/2023 của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Bộ phận Một cửa	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
			Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
				Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính								
1	2		3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13	12	13
1	Huyện Bình Sơn	Cấp huyện	140	50	62	28	115	111	0	4	25	25	0
		Cấp xã (22 đơn vị)	3.154	999	1.709	446	2.733	2.664	0	69	421	407	14
2	Thị xã Đức Phổ	Cấp huyện	160	59	51	50	114	109	0	5	46	36	10
		Cấp xã (15 đơn vị)	3.694	943	2.578	173	3.448	3.394	0	54	246	231	15
3	Huyện Trà Bồng	Cấp huyện	50	21	21	8	32	26	0	6	18	16	2
		Cấp xã (16 đơn vị)	1.240	290	898	52	1.228	1.225	0	3	12	12	0
4	Huyện Minh Long	Cấp huyện	15	14	1	0	15	15	0	0	0	0	0
		Cấp xã (5 đơn vị)	248	69	178	1	248	247	0	1	0	0	0
5	Huyện Sơn Tây	Cấp huyện	21	0	2	19	0	0	0	0	21	0	21
		Cấp xã (9 đơn vị)	314	47	248	19	260	256	0	4	54	48	6
6	Huyện Nghĩa Hành	Cấp huyện	51	35	9	7	42	39	0	3	9	8	1
		Cấp xã (12 đơn vị)	1.470	532	696	242	1.233	1.216	1	16	237	182	55
7	Huyện Ba Tơ	Cấp huyện	29	22	3	4	29	29	0	0	0	0	0
		Cấp xã (19 đơn vị)	1.189	267	899	23	1.162	1.138	0	24	27	22	5
8	TP Quảng Ngãi	Cấp huyện	1.049	267	506	276	779	754	0	25	270	264	6
		Cấp xã (23 đơn vị)	7.323	1.276	5.904	143	7.147	7.065	0	82	176	140	36
9	Huyện Sơn Hà	Cấp huyện	48	20	12	16	41	35	0	6	7	3	4
		Cấp xã (14 đơn vị)	2.329	118	2.107	104	2.253	2.146	0	107	76	47	29
10	Huyện Sơn Tịnh	Cấp huyện	200	43	96	61	111	103	0	8	89	64	25
		Cấp xã (11 đơn vị)	2.953	369	2.481	103	2.911	2.815	0	96	42	31	11
11	Huyện Mộ Đức	Cấp huyện	56	29	15	12	46	44	0	2	10	3	7
		Cấp xã (13 đơn vị)	2.839	754	2.015	70	2.751	2.729	0	22	88	65	23
12	Huyện Tư Nghĩa	Cấp huyện	175	61	15	99	165	165	0	0	10	10	0
		Cấp xã (14 đơn vị)	1.770	829	900	41	1.736	1.735	0	1	34	34	0
13	Huyện Lý Sơn	Cấp huyện	518	56	459	3	515	515	0	0	3	0	3
Tổng			31.035	7.170	21.865	2.000	29.114	28.575	1	538	1.921	1.648	273

Danh sách
Chi tiết các xã, phường, thị trấn có phát sinh hồ sơ thanh toán
trực tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia trong tháng 5/2023
(Kèm theo Phụ lục III)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao dịch	Số tiền thanh toán
I	Thành phố Quảng Ngãi		
1	Phường Chánh Lộ	1	7.500
2	Phường Nguyễn Nghiêm	1	8.000
3	Phường Trần Phú	2	3.500
4	Xã Nghĩa Phú	1	7.500
II	Thị xã Đức Phổ		
1	Phường Nguyễn Nghiêm	1	2.000
2	Phố Hòa	1	2.000
3	Phố Minh	4	97.500
4	Phố Ninh	5	225.500
5	Phố Quang	1	2.000
6	Phố Thạnh	1	2.000
7	Phố Vinh	24	941.000
8	Phố An	1	2.000
9	Phố Châu	1	3.000
10	Phố Cường	1	2.000
11	Phố Khánh	1	2.000
12	Phố Nhơn	13	511.000
13	Phố Phong	1	2.000
14	Phố Thuận	1	2.000
15	Phố Văn	1	2.000
III	Huyện Ba Tơ		
1	Thị trấn Ba Tơ	4	96.000
2	Ba Vì	21	650.000
IV	Huyện Tư Nghĩa		
1	Thị trấn La Hà	31	618.000
2	Thị trấn Sông Vệ	36	1.053.000
V	Huyện Mộ Đức		
1	Đức Hiệp	19	617.003
2	Đức Lợi	14	259.000
3	Đức Phú	7	75.000
4	Đức Thắng	4	142.000
VI	Huyện Nghĩa Hành		
1	Hành Đức	12	200.500
2	Hành Thiện	1	4.000
3	Hành Tín Đông	24	250.000

VII	Huyện Minh Long		
1	Long Hiệp	7	54.008
2	Long Mai	3	38.000
3	Long Môn	4	56.000
4	Long Sơn	13	287.000
5	Thanh An	1	7.500
VIII	Huyện Trà Bồng		
1	Thị trấn Trà Xuân	35	392.000
2	Trà Lâm	6	64.000
3	Trà Phú	2	24.000
4	Trà Sơn	2	24.000
5	Trà Thủy	9	143.000
6	Trà Xinh	4	72.000
7	Trà Thanh	20	160.000
8	Trà Phong	1	24.000
9	Sơn Trà	9	96.000
10	Hương Trà	9	72.000
IX	Huyện Sơn Tịnh		
1	Tịnh Sơn	11	255.000